TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2020.
V/v "Kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính là Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02/3/2020. Thông báo về việc tạm dừng thời gian mở phiên tòa ngày 12/3/2020. Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Bá M, sinh năm 1957.
2. Bị đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1959.
Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt ông M, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Ông Phan Bá M và bà Đào Thị H đều là bộ đội cùng đóng quân tại đại đội thông tin, trung đoàn căn cứ Sân bay Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên nảy sinh tình cảm và có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó được đơn vị cấp cấp giấy giới thiệu đến UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai làm thủ tục đăng ký kết hôn. Ngày 04/12/1981 UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đến cuối tháng 12/1981ông M, bà H ra quân và về quê ông M tại xã T, thị xã H, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam) làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 1998 thì bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân và tự nguyện có bản cam kết thỏa thuận chia tay từ năm 1999.

Quá trình sống ly thân mỗi người ở một nhà không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ngày 03/6/2015 ông Phan Bá M kết hôn với cô Lê Như Q tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đến năm 2019 bà Đào Thị H có đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Phan Bá M với cô Lê Như Q. Tại bản án số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Phan Bá M với cô Lê Như Q. Nay ông Phan Bá M xác định cuộc hôn nhân giữa ông với bà H đã hoàn toàn chấm dứt hơn hai mươi năm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đào Thị H.

Bà Đào Thị H xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống hòa thuận, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và việc đôi bên có đơn chia tay như ông M trình bày là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do ông M đi cúng bái có quan hệ ngoài luồng với nhiều người phụ nữ khác ở ngoài và về đánh chửi vợ con. Thời gian sống ly thân mỗi người ở một nhà không còn liên quan gì đến gia đình và vợ con, bà khẳng định giữa bà và ông M chưa giải quyết ly hôn nhưng năm 2015 ông M đã kết hôn với cô Lê Như Q. Đến năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam đã tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông M với cô Q như ông M trình bày là đúng. Nay ông Phan Bá M xin ly hôn bà không đồng ý vì bà đã có tuổi với lại con cháu đông đủ.

Về con chung: Ông Phan Bá M và bà Đào Thị H có hai người con chung là Phan Quốc H, sinh năm 1982 và Phan Thế H1, sinh năm 1984. Hiện cả hai người con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có con nuôi, bà H không có con riêng. Ông M có một người con riêng là Phan Thị D, sinh năm 2015 khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết về con riêng. Hiện bà H không có thai nghén.

Về tài sản, công nợ chung: Ông Phan Bá M và bà Đào Thị H thống nhất thỏa thuận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà: Ông Phan Bá M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi bổ sung gì thêm. Bà Đào Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX, thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Bá M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa ông Phan Bá M và bà Đào Thị H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/1981 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Bá M Hội đồng xét xử thấy: Ông M và bà H kết hôn trong khi cả hai đang trong đơn vị quân đội. Sau khi xuất ngũ về địa phương sinh sống ổn định và có với nhau hai người con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân cũng như chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 1999 đến nay là có thật được đôi bên thừa nhận.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Bá M được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại các Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông M, bà H thống nhất có hai con chung là Phan Quốc H, sinh năm 1982 và Phan Thế H1, sinh năm 1984, vợ chồng không có con nuôi, ông M có một con riêng. Khi ly hôn ông M, bà H không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, con riêng vì các con chung đã đủ tuổi, trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Ông M, bà H thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Ông Phan Bá M là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên ông phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa ông Phan Bá M và bà Đào Thị H.

2/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Phan Bá M phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004394 ngày 30/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam. Ông M đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP P;
- Chi cục THADS TP P;
- UBND phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy